

Bản án số: 45/2026/HSST

Ngày 11 - 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Kim Thắng,
2. Ông Huỳnh Tấn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Xuân Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 7- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **18/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2026, đối với các bị cáo:**

01. Bùi P, sinh ngày 05 tháng 01 năm 1977, tại: xã Phú Ninh, thành phố Đà Nẵng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn T, xã P, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Bùi V (còn có tên gọi Bùi Việt, đã chết) và bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1951). Bị cáo có vợ là bà Trương Thị Thuỳ L (sinh năm: 1980, đã ly hôn), có 02 người con sinh năm 2003 và sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: ngày 12/01/2026, Bùi P bị Trưởng Công an xã Phú Ninh, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, phạt tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/12/2025. Có mặt tại phiên tòa.

02. Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1986; tại xã Trà My, Đà Nẵng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn D, xã T, thành

phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn X (sinh năm 1965) và bà Phan Thị S (sinh năm 1969). Bị cáo có vợ là bà Bạch Thị Thuý V (sinh năm: 1990, đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: ngày 17/3/2026, Nguyễn Ngọc S bị Trưởng Công an xã Phú Ninh, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, phạt tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/12/2025. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

01. Ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1988. Địa chỉ: thôn Hòa Lang, phường Hương Trà, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

02. Ông Trần Văn D, sinh năm 1965. Địa chỉ: thôn 4, xã Thu Bồn, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

03. Bà Trương Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: thôn Xuân Phú, xã Chiên Đàn, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/12/2025, do có nhu cầu sử dụng ma túy nhưng không biết người bán nên Nguyễn Ngọc S đến nhà của Bùi P và đưa 300.000 đồng, nói bị cáo Phòng đi mua ma túy về để sử dụng. Bị cáo Phòng đồng ý (cả bị cáo Phòng và bị cáo Sang đều không thuộc đối tượng quản lý sau cai nghiện). Sau đó, bị cáo Phòng dùng điện thoại của mình có gắn sim số 0823001443 gọi đến số điện thoại 0865172642 của Nguyễn Duy N (*theo lời khai của bị cáo Phòng*) để hỏi mua 300.000 đồng ma túy thì Nguyễn Duy N đồng ý và hẹn giao ma túy tại phường Hương Trà, thành phố Đà Nẵng. Bị cáo Phòng điều khiển xe máy đến điểm hẹn, tại đây, bị cáo Phòng đưa cho Nguyễn Duy N số tiền 300.000 đồng tiền mặt và Nguyễn Duy N đưa ma túy cho bị cáo Phòng (*ma túy được gói trong giấy vó, bên ngoài được bọc bằng nilong*). Bùi P mang số ma túy này về lại nhà của mình rồi cùng với Nguyễn Ngọc S đi vào phòng ngủ của bị cáo Phòng cùng sử dụng. Trong quá trình sử dụng ma túy, Bùi P lấy mảnh giấy bạc (trong gói thuốc lá của Phòng để ở đầu giường ngủ) đổ toàn bộ số ma túy vừa mua được lên dùng bật lửa của mình hơ nóng giấy bạc để ma túy thành dạng khói và hít. Bùi P đốt hít trước rồi chuyển cho Nguyễn Ngọc S dùng bật lửa đốt hít sau, cả hai luân phiên nhau đốt và hít mỗi người được 02

hỏi thì lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

* Tại phiếu xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể xác định: Bùi P dương tính với ma túy nhóm thuốc phiện (Heroine, Morphine); Nguyễn Ngọc S dương tính với ma túy nhóm thuốc phiện (Heroine, Morphine) và Methamphetamine.

* Tại Kết luận giám định số 2453/KL-KTHS ngày 30/12/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine và chất ma túy Amphetamine (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Methamphetamine); chất ma túy Morphin và chất 6-MAM (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Heroine trong cơ thể) trong mẫu nước tiểu thu giữ của Nguyễn Ngọc S.

- Tìm thấy chất ma túy Morphin và chất 6-MAM (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Heroin trong cơ thể) trong mẫu nước tiểu thu giữ của Bùi P.

- Chất màu đen bám dính trên 02 mảnh giấy bạc và trên mảnh giấy vò có tìm thấy chất ma túy loại Heroine.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSKV7 ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Bùi P, Nguyễn Ngọc S về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đà Nẵng giữ nguyên toàn bộ nội dung Cáo trạng truy tố và luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*), xử phạt bị cáo Bùi P 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 03 năm 09 tháng đến 04 năm 03 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi P, Nguyễn Ngọc S đều thống nhất khai nhận như sau: Do có nhu cầu sử dụng ma túy và không biết chỗ mua nên vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/12/2025, bị cáo Nguyễn Ngọc S đến nhà của bị cáo Bùi P đưa 300.000 đồng và nói bị cáo Phòng đi mua ma túy về để sử dụng thì bị cáo Phòng đồng ý. Sau khi mua được ma túy, bị cáo Phòng đem về nhà của mình rồi cùng với bị cáo Sang đi vào phòng ngủ của bị cáo Phòng cùng sử dụng ma túy. Trong quá trình sử dụng ma túy, bị cáo Phòng lấy mảnh giấy bạc đồ toàn bộ số ma túy vừa mua được lên rồi dùng bật lửa của mình hơi nóng giấy bạc để ma túy thành dạng khói và hít. Bị cáo Phòng đốt hít trước rồi chuyển cho bị cáo Sang dùng bật lửa đốt hít sau, cả hai luân phiên nhau đốt và hít mỗi người được 02 hơi thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang và thu giữ mảnh giấy bạc trên cùng nhiều đồ vật khác.

[3]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi nêu trên của các bị cáo Bùi P, Nguyễn Ngọc S đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[4]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thì thấy: Ma túy là loại độc dược gây nghiện, việc sử dụng trái phép chất ma túy gây tác hại rất lớn, lâu dài đối với sức khỏe con người và xã hội; là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Chính vì thế mà Nhà nước nghiêm cấm và xử lý rất nghiêm khắc đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép cũng như hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo biết rõ được tác hại của ma túy và có đầy đủ năng lực để nhận thức được sự trừng phạt của pháp luật đối với hành vi vi phạm của mình nhưng các bị cáo đã bất chấp pháp luật, sự lên án của dư luận xã hội, liều lĩnh thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quy định của Nhà nước về việc kiểm soát các hoạt động liên quan đến chất ma túy mà còn đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của con người. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội với một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo để các bị cáo có điều kiện cai nghiện ma túy, cải tạo thành công dân có ích và cũng để đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng; phòng ngừa chung cho toàn xã hội; nhất là đáp ứng công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội nói chung và ma túy nói riêng; nhằm đảm bảo tình hình an ninh chính trị tại địa phương.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân

thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: các bị cáo Bùi P, Nguyễn Ngọc S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Bùi P có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo Nguyễn Ngọc S có ông nội có công cách mạng, bản thân bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự. Vì vậy, các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025*). Các bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng vào năm 2026, các bị cáo đều bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Trong vụ án này, bị cáo Sang là người khởi xướng và đưa tiền để mua ma túy; còn bị cáo Phòng là người sử dụng điện thoại của mình liên lạc và trực tiếp đi mua ma túy về để cùng nhau sử dụng. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc vai trò tham gia của các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- 02 mảnh giấy bạc được lấy từ trong bao thuốc lá, kích thước khoảng 03cm x 06cm, bên trên có bóm dính nhựa đen; 01 mảnh giấy vớ có nhiều chữ viết, kích thước khoảng 02 cm x 02 cm; 04 mảnh gói nilong xé vụn (không rõ hình dạng, kích thước); 01 bật lửa ga hiệu Viva, màu tím nhạt, đã qua sử dụng (của Bùi P); 01 thẻ sim số 0823001443 có trong điện thoại hiệu Masstel màu đen: là những vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại hiệu Masstel màu đen đã qua sử dụng, thu giữ của Bùi P: điện thoại này bị cáo dùng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 xe máy kiểu dáng Dream màu nho, không gắn biển kiểm soát: Bùi P khai xe này được bị cáo mua lại của một người phụ nữ không rõ lai lịch tại xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh (*hiện là xã Phú Ninh thành phố Đà Nẵng*) khoảng 08 năm trước với giá 1.000.000 đồng, không có giấy tờ xe và xe không có biển số. Qua kiểm tra, xe chỉ có số máy, không có số khung. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng đã tiến hành xác minh nhưng không tìm được chủ sở hữu. Bùi P khai đã sử dụng xe này để đi mua ma túy nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 7.700.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo Sang (trong đó có 6.000.000 đồng của bà Trương Thị T, 1.700.000 đồng của bị cáo Sang), không liên quan đến việc phạm tội. Tại phiên tòa, bà Trương Thị T có yêu cầu nhận lại số tiền 6.000.000 đồng, bị cáo Sang đồng ý trả lại cho bà Trương Thị T; Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại bà Trương Thị T số tiền 6.000.000 đồng; trả lại cho bị cáo Sang số tiền 1.700.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7]. Về án phí: các bị cáo Bùi P, Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Các vấn đề liên quan trong vụ án này:

- Đối với Nguyễn Duy N: Bùi P khai chiều ngày 25/12/2025, bị cáo dùng điện thoại của mình gắn thẻ sim 0823001443 gọi điện cho Nguyễn Duy N qua số điện thoại 0865172642 đề hỏi mua ma túy; Nguyễn Duy N đồng ý và đã giao ma túy cho bị cáo Phòng. Nguyễn Duy N cũng thừa nhận chiều ngày 25/12/2025, Phòng có điện thoại cho mình đề hỏi mua ma túy nhưng Nguyễn Duy N trả lời không còn sử dụng ma túy và bảo bị cáo tìm người khác để mua. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng đã trích xuất dữ liệu điện thoại của Nguyễn Duy N và bị cáo Phòng thì thể hiện vào ngày 25/12/2025, bị cáo Phòng có điện thoại cho Nguyễn Duy N; đã tiến hành cho bị cáo Phòng và Nguyễn Duy N đối chất nhưng cả hai vẫn giữ lời khai ban đầu. Ngoài lời khai của bị cáo ra thì không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh Nguyễn Duy N đã bán ma túy cho bị cáo Phòng vào ngày 25/12/2025. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng không có cơ sở để xử lý đối với Nguyễn Duy N.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép ma túy của Nguyễn Ngọc S (trước khi bị cáo Sang sử dụng chung với bị cáo Phòng và bị bắt quả tang): Nguyễn Ngọc S khai bị cáo được 01 người đàn ông cho ma túy để sử dụng nhưng không rõ lai lịch cụ thể của người đàn ông này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, làm rõ nên không đề cập xử lý. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng đã chuyển tài liệu liên quan đề nghị Trưởng Công an xã Phú Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Sang về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Bùi P (trước khi bị cáo sử dụng chung với Nguyễn Ngọc S và bị bắt quả tang): Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng đã chuyển tài liệu liên quan đề nghị Trưởng Công an xã Phú Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Phòng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Việc xử lý như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025*):

Tuyên bố các bị cáo **Bùi P, Nguyễn Ngọc S** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo **Bùi P 3** (Ba) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (*ngày 25/12/2025*).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc S 3** (Ba) năm **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 25/12/2025).

[2]. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), xử:

- Tịch thu tiêu huỷ:

+ 02 mảnh giấy bạc được lấy từ trong bao thuốc lá, kích thước khoảng 03cm x 06cm, bên trên có bảm dính nhựa đen (có trong phong bì niêm phong số 2453/KL-KTHS).

+ 01 mảnh giấy vờ có nhiều chữ viết, kích thước khoảng 02 cm x 02 cm.

+ 04 mảnh gói nilong xé vụn (không rõ hình dạng, kích thước) có trong phong bì niêm phong ký hiệu D.

+ 01 bật lửa ga hiệu Viva, màu tím nhạt.

+ 01 thẻ sim số 0823001443 có trong điện thoại hiệu Masstel màu đen đã qua sử dụng của Bùi P

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại hiệu Masstel màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Bùi P.

+ 01 xe máy kiểu dáng Dream màu nho, không gắn biển kiểm soát, số máy TL-VT150FMH001877, không có số khung.

- Trả lại cho bà Trương Thị T số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc S số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Các vật chứng này đang được lưu giữ tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 7- Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/5/2026. Riêng số tiền 7.700.000 đồng có trong tài khoản số 3949.0.1054137.00000 của Thi hành án dân sự Đà Nẵng tại kho bạc Nhà nước khu vực XIII theo Ủy nhiệm chi lập ngày 07/5/2026).

[3]. **Về án phí:** căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Nghị quyết **326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: các bị cáo **Bùi P, Nguyễn Ngọc S**, mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ

thẩm (ngày 11/5/2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT TANDTC,
- TAND TP Đà Nẵng,
- VKSND TP Đà Nẵng,
- Công an TP Đà Nẵng,
- VKSND khu vực 7 – Đà Nẵng,
- Phòng THADS khu vực 7- Đà Nẵng,
- Phòng PV06 CA TP Đà Nẵng,
- Phòng HSNV Sở Tư pháp TP Đà Nẵng,
- Người tham gia tố tụng,
- Lưu hồ sơ vụ án,
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyên



Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**Các Hội thẩm nhân dân
tòa**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

